

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 30/10/2019

V/ v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Thắng và ông Bằng Công Hiệp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2019/QĐXX-PT ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992.

HKTT: Xóm B, xã S, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường Q, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1993.

HKTT: Xóm B, xã S, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh M kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi, anh M không quan tâm, chia sẻ về kinh tế với vợ con và còn có

thái độ xúc phạm đến bố mẹ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thiện T, sinh ngày 17/4/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức M trình bày: Thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, hai vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng. Anh vẫn chăm lo cho vợ con và gia đình, từ đầu năm 2019 do anh không đưa lương cho chị N mà tự quản lý nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Về việc chị N xin ly hôn anh mong muốn đoàn tụ, nhưng nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Như chị N trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung. Không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Với nội dung trên, tại bản án số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thiện T, sinh ngày 17/4/2016 cho anh Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Đức M không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0007665 ngày 19 tháng 4 năm 2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2019 chị Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Thiện T. Về cấp dưỡng chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí chị N đề nghị không phải chịu án phí trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 10/10/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin rút một phần kháng cáo về việc cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị N làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị N về việc nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mong muốn xin nuôi con là cháu Nguyễn Thiện T, sinh ngày 17/4/2019 của chị là chính đáng. Xét thấy cả anh M và chị N đều có đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo chăm sóc con chung. Tại cấp phúc thẩm chị N vẫn giữ nguyên quan điểm tha thiết được nuôi con chung và xuất trình chứng cứ mới chứng minh chị có nhà ở đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt cho cháu T. Cháu T hiện còn rất nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho anh M là chưa phù hợp. Để bảo đảm cho cháu T về mọi mặt HĐXX nhận cần giao cháu T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[3.] Về mức cấp dưỡng: Tại cấp phúc thẩm chị N rút kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con. Việc rút kháng cáo của chị N là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với kháng cáo của chị N về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4.] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh M đều xác định không có, không đề nghị xem xét giải quyết.

[5.] Về án phí: Chị N có kháng cáo về phần án phí nhưng không xuất trình được chứng cứ mới. Nên việc kháng cáo về án phí của chị N không có căn cứ chấp nhận. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm do một phần kháng cáo được chấp nhận.

[6.] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần kháng cáo của

chị N về việc cấp dưỡng nuôi con do chị N rút yêu cầu kháng cáo về việc cấp dưỡng tại cấp phúc thẩm. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị N về phần nuôi con chung, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ. Về án phí, chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đình chỉ một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị N về việc cấp dưỡng nuôi con, bác kháng cáo của chị N về án phí. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đức M.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thiện T, sinh ngày 17/4/2016 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh M do chị N chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N anh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị N đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007665 ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007727 ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND xã B,TPS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương